

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TRUYỆN NGẮN TỪ NGUYÊN TĨNH

Nguyễn Thị Hạnh¹

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu đặc điểm truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh, thể loại mà nhà văn đạt nhiều thành tựu, có đóng góp nhất định cho văn học hiện đại. Tiếp cận tác phẩm từ đặc trưng thể loại, bài viết phân tích, làm rõ cách lựa chọn chất liệu hiện thực (cuộc sống của con người dân quê) cùng giọng văn từ tốn, tình cảm, kết hợp với tính triết luận, và hơn hết là cách hóa giải nỗi buồn, những trớ trêu của phận người bằng trái tim nhân hậu, ấm áp. Đọc truyện của Từ Nguyên Tĩnh, độc giả cảm thấy những trang đời luôn lấp lánh niềm tin và có khả năng “chữa lành”, làm lòng ta an yên và tràn đầy hy vọng vào cuộc sống.

Từ khóa: Từ Nguyên Tĩnh, truyện ngắn, giọng điệu tự sự trữ tình, triết luận, chất dân quê, tình yêu vị tha.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.87.5.2026.1112>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ Nguyên Tĩnh tên thật là Lê Văn Tĩnh, sinh năm 1947, từng trải qua 10 năm đời lính gắn bó với trận địa cầu Hàm Rồng và tuyến lửa xứ Thanh, sau đó học khoa Ngữ văn, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội từ năm 1978 - 1982, đã đạt nhiều giải thưởng văn học nghệ thuật ở các thể loại khác nhau. Người lính được tôi luyện trong khói lửa chiến tranh và đào tạo trong môi trường thâm đậm chất văn chương ấy luôn tự nhận mình là “anh nhà quê”, văn mình là “văn nhà quê”, sống ở chốn thôn quê, có cách kể, cách nhìn về cuộc sống và tình yêu người dân quê, đặc biệt là người Thanh Hóa vùng ven sông Mã, Hàm Rồng rất riêng. Truyện của Từ Nguyên Tĩnh giản dị, chân chất kết hợp chất triết luận sâu sắc như những trang đời lấp lánh niềm tin và có khả năng “chữa lành”, đem lại cho bạn đọc cảm giác an yên và tràn đầy hy vọng vào cuộc sống. Đến nay đã có một số bài viết, tiểu luận đã giới thiệu, nhận xét, trình bày cảm thụ về sáng tác của Từ Nguyên Tĩnh nhưng chưa mang tính hệ thống, đầy đủ, toàn diện và chưa định danh thành đặc điểm truyện ngắn. Bài viết này nghiên cứu một cách hệ thống và tương đối đầy đủ các truyện ngắn trong 2 tập truyện được xuất bản gần nhất [3], [4] và nhận thấy, mỗi truyện mở ra trước mắt ta vô số những mảnh đời, phận người quen thuộc trong kiếp nhân sinh này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết vận dụng lý thuyết thể loại truyện ngắn, phương pháp hệ thống, so sánh và thao tác phân tích, tổng hợp để nghiên cứu và làm rõ đặc điểm nổi bật, xuyên suốt trong các truyện ngắn làm nên dấu ấn riêng của nhà văn Từ Nguyên Tĩnh ở mảng đề tài về nông thôn Việt Nam.

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: nguyenthihanh@hdu.edu.vn

Phương pháp hệ thống: Đây là phương pháp chủ đạo được sử dụng để nghiên cứu những đặc điểm nổi bật trong 2 tập truyện, từ đó, khai thác, nhận diện, chỉ rõ những biểu hiện nhất quán làm nên đặc trưng phong cách nghệ thuật của nhà văn.

Phương pháp so sánh: Bài viết so sánh các truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh làm cơ sở khái quát đặc điểm (sự nhất quán và nổi bật) trong lối viết của nhà văn trên các phương diện đề tài, chủ đề, cách lựa chọn chất liệu hiện thực nông thôn, quan niệm nhân sinh, giọng điệu, văn phong...

Thao tác phân tích - tổng hợp: Thao tác này góp phần làm rõ các biểu hiện cụ thể cũng như hiệu quả nghệ thuật của các đặc điểm truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh rõ ràng hơn.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Với hơn 30 năm cầm bút, sức viết dồi dào và chất lượng của Từ Nguyên Tĩnh được chứng tỏ qua nhiều thể loại phong phú: truyện, thơ, tiểu thuyết, trường ca, kí sự... cùng nhiều giải thưởng ở các thể loại. Ông đã từng nhận được giải cao nhất cuộc thi truyện ngắn của Tạp chí Sông Hương năm 1993 với truyện ngắn *Mẹ*. Truyện *Người tình của cha* được chuyển thể thành phim truyền hình năm 1994. Truyện *Hạnh phúc trần gian* được chuyển thể thành phim và công chiếu năm 1995. *Mối tình chàng Lung mù* đạt giải thưởng của Hội đồng văn học về đề tài chiến tranh của Hội nhà văn Việt Nam năm 1994. Giải C của Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2001 với *Trường ca Hàm Rồng*. Tặng thưởng cuộc thi tiểu thuyết của Hội nhà văn Việt Nam 2004 - 2006 với tiểu thuyết *Cõi người*. Truyện *Người tình của cha*, từ năm học 2006 - 2007, được tuyển chọn vào chương trình tham khảo lớp 9, môn Văn học địa phương Thanh Hóa. Và năm 2022, ông vinh dự được Giải thưởng Nhà nước về VHNT với tập truyện *Mối tình chàng Lung mù ...* Sức viết, nội lực của nhà văn còn được thể hiện qua *Tuyển tập Từ Nguyên Tĩnh* gồm 5 tập, dài gần 3000 trang, trong đó tập 1 và 2 tập hợp 100 truyện ngắn là một gia tài đồ sộ rất đáng khâm phục và trân trọng.

3.1. Truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh đậm chất “dân quê”

Chất “dân quê” là cách nói để chỉ vẻ đẹp, phong vị đời thường, mộc mạc, gần gũi của làng quê, của con người sống ở làng quê mang dáng vẻ cùng lối sinh hoạt chân chất, thật thà, giản dị, lời ăn tiếng nói tự nhiên, hồn nhiên, có thể sử dụng phương ngữ, gắn bó với đất, với làng và nặng nghĩa tình hơn lí lẽ...

Trước hết, truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh khai thác thành công những chất liệu hiện thực quen thuộc của miền quê nông thôn Việt Nam nhưng cũng rất đặc trưng cho vùng miền Thanh Hóa. Có thể thấy, tập 1 và 2, mỗi tập gồm 50 truyện ngắn, tập 1 dài hơn 500 trang, tập 2 dài gần 500 trang, tập trung khắc họa con người trong chiến tranh và trong đời thường gắn với những địa danh cụ thể, quen thuộc là sông Mã, núi Hàm Rồng, hồ Bàn Thạch, làng Tào, làng Giàng, làng Hạc, cầu Sâng, Đồi Cung, cầu Cốc, lạch Trường, núi Nhồi, cầu Lèn, sông Lê... Những địa danh này vốn không xa lạ với người Thanh Hóa đã đi vào những trang văn của Từ Nguyên Tĩnh. Họ là những nông dân chính hiệu trong hàng loạt truyện ngắn *Họ hàng nông dân*, *Đàn bà*, *Mẹ*, *Kiếp cầm ca*, *Kiếp người*, *Gã nhà quê*, *Nợ làng quê*, *Đò dọc*,... Họ còn là những người làm nghề thổ mộc, đóng cối xay, đúc đồng, chèo đò, kéo vó trên sông, lái xe trâu, cào hên, bắt sò, xúc tép, đập xích lô... trong *Thợ cối xay*, *Đò dọc*, *Lão kéo vó bè trên sông Lê*,

Vợ chồng xe trâu, Thuyền nan, Rượu tắc kè, Tiếng trống đồng, Người tình của cha... Phải là người thực sự am hiểu con người, cuộc sống và văn hóa vùng quê miền Trung, nhà văn mới có thể tái hiện được sinh động, phong phú, chân thực mảng hiện thực này. Phải là người gần bó, thấu hiểu thì nhà văn mới có thể đúc kết trùng đặc điểm người dân quê cùng những nghề quen thuộc. Điều làm nên sức hấp dẫn của truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh không chỉ nằm ở chất liệu hiện thực phong phú, phản ánh vốn sống và vốn trải nghiệm của nhà văn mà còn là cách ông kể chuyện bằng giọng văn từ tốn, trầm tĩnh, điềm đạm, thấu cảm của người từng là người dân quê, của “một người nhà quê giàu minh triết” [1].

Đặc biệt, viết về mảng đề tài này, nhà văn Từ Nguyên Tĩnh còn quan tâm khai thác chủ đề tha hương. Những người dân quê ôm giấc mộng kiếm tìm cuộc sống mới, đổi thay số phận đành bỏ làng trong truyện *Đứa bỏ làng, Đò dọc, Tiếng thờ dài của dòng sông, Rượu tắc kè, Tiếng ta hay phong vị quê nhà...* Bỏ làng để mong thay đổi vận số, kiếm tìm giàu sang, hạnh phúc vốn không phải xấu mà là nguyện vọng chính đáng của những người dân quê. Những nhân vật trong truyện của Từ Nguyên Tĩnh được cắt nghĩa lí do rời bỏ làng tha hương là bởi cuộc sống nghèo đói dẫu chăm chỉ cuộc cày, làm đủ thứ việc. Họ buộc phải bỏ làng còn vì những hà khắc và sự tác oai, tác quái của một bộ phận người đại diện cho chính quyền “ban ngày thì mấy ông chính quyền xã điều hành, ăn uống linh kinh, đêm về thì âm binh” khiến các thế hệ trong làng từ già (như chú Ngũ - bậc hiền triết treo cổ ở cây đa đầu làng) đến trẻ (như thằng cháu là kỹ sư chăn nuôi, được ăn học về để dựng xây quê hương, thoát khỏi đói nghèo) cũng đành uất nghẹn mà thốt lên: “Cháu rồi cũng ra đi thôi” trong truyện *Đứa bỏ làng*. Họ là những người như “tôi” rời làng đi bộ đội, lớ ngớ không biết cày cuốc, trở về cũng chẳng biết gì hơn” trong *Đò dọc* đành quần quật lao động, bán buôn trên chiếc thuyền nan. Họ ẩn hiện đâu đó trong làng với tiếng khóc ơ hờ “con cướp công mẹ” quen thuộc của người mẹ trong *Tiếng thờ dài của dòng sông*. Đó còn là cuộc sống của người dân miền biển khỏe mạnh vạm vỡ và nắng cháy nhưng vẫn đói nghèo. Họ còn là những người như Thuyết, phó tiến sĩ thần học, trong truyện *Mẹ*, “chẳng khát khao gì nhiều lắm, một cuộc sống no đủ, vui vầy”, “muốn đời mẹ được sung sướng, hạnh phúc vì có đứa con cho mẹ hiểu được cội nguồn của kiếp người” để thỏa nguyện mong ước “một ngày nào đó, con ngồi trên chiếc xe sang trọng đưa mẹ đi một vòng quanh làng, cho mẹ quên đi nghèo hèn” [3; tr. 52] mà rốt cục, ngày mẹ mất, đứa con ấy trở về trong tay chỉ vền vện “có tờ bạc năm trăm” là suất tiền ăn bữa chiều... Nhưng tất cả bọn họ buộc phải ra đi để thay đổi phận nghèo khó, không nhiều trong số họ quay trở về cố hương, thường là những người già, như ông Mầm trong *Rượu tắc kè*, lựa chọn “trở về với gian nhà cũ xưa của cha mẹ để lại. Ông vẫn giữ thói quen dậy sớm thức khuya, xáo xới mảnh vườn để trồng rau cò, cây cảnh” bởi “ông không thích rời cái tổ tắc kè của mình”, với “cuộc sống tự do” ở quê nhà. Số còn lại, những người trẻ tuổi, hầu như ít có mong muốn trở về. Và cả những trí thức thành đạt, như Thì trong *Tiếng ta hay phong vị quê nhà* đúc kết, “Anh em mình ngồ. Ở Hà Nội mà vẫn nói giọng nhà quê. Làm gì không bị bắt nạt. Cái con Nhị nó khôn, nói tiếng Thủ đô thật chuẩn” [3; tr. 403]. Cho nên, sau này, Thì ngoài miệng nói với bạn cũ, “thèm được nói chuyện. Nói cái tiếng ta... mình bỏ tiền về lần này, ngoài làm ăn ra, ... Nói chuyện mô tê với hai anh cho thỏa thích”, dẫu cố tỏ ra mong muốn được giữ giọng quê hương, tự nhận “thèm được nói chuyện “tiếng ta” cho đã đời” nhưng rồi xuất hiện trên truyền hình, anh ta vẫn nói giọng mũi lai

căng ngôn ngữ trời Tây cho “oách”, như muốn hoàn toàn chối bỏ “phong vị” quê nhà. Cách kể của nhà văn vừa mang tính giễu nhại vừa hết sức tự nhiên, như người chỉ chứng kiến và ngạc nhiên trước hành động trước sau bất nhất của doanh nhân Thị và những kẻ muốn chối bỏ nguồn cội. Những lí do này dường như có vẻ khá quen thuộc với nhiều nhà văn khác cùng viết về đề tài thôn quê. Điều làm nên dấu ấn riêng của truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh chính là nhân vật bỏ quê, tha hương ít khi có mong muốn trở về. Và khi thành đạt, giàu có, lúc ôn nghèo khổ với bạn cũ chỉ thích được phô trương cái sung túc, giàu có của mình, thích làm màu, khoe mẽ, muốn chối bỏ tiếng “nhà quê”. Trừ một số người già, họ mang tâm lí đặc trưng của người dân quê nói chung, thường muốn hướng về nguồn cội.

Kho tư liệu về đời sống người dân quê dưới ngòi bút của nhà văn quả thực phong phú, đa dạng như ngọn nguồn không bao giờ cạn. Mỗi một câu chuyện kể đều tự nhiên, hồn hậu, không lên gân lên cốt, không đao to búa lớn nhưng chất chứa nhiều ý vị, gợi nhiều suy ngẫm cho bạn đọc cùng cảm nhận về cảnh đời, phận người dân quê, nhất là người dân quê xứ Thanh. Từ Nguyên Tĩnh không chỉ nói đúng mà còn bắt trúng cái hồn cốt con người dân quê, dấu trong bom lửa khói đạn hay trong thời bình. Ông cứ từ tốn kể, nhẹ nhàng, tự nhiên mà sâu lắng.

3.2. Truyện ngắn viết về tình yêu thường mang âm hưởng ngợi ca tình yêu vị tha, cao thượng, nhân văn

Bên cạnh chất “dân quê” như là đặc điểm bao trùm hầu khắp các truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh thì chủ đề tình yêu hiện diện khá nhiều và mang dấu ấn nổi bật trong các tập truyện của nhà văn. Các cặp đôi yêu nhau nhưng họ không đến được với nhau vốn rất phổ biến trong văn chương. Nét riêng của truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh là, viết về tình yêu, kể cả trong bối cảnh thời chiến hay thời bình, đều có hy sinh, mất mát, có đàn ông đổi thay lòng dạ, có phụ nữ kiên trinh, chờ đợi... thì sau rốt vẫn là cái nhìn nhân hậu, từ tâm của tác giả.

Tình yêu của người dân quê hồn hậu, mãnh liệt, dấu bất thành vì nghèo khó vẫn đượm tính vị tha. Tình cảm mà lão Cao dành cho Liên trong *Gã nhà quê* vừa thể hiện đặc tính hồn hậu của người nông dân, dám yêu dám sống nhưng không bảo vệ được tình yêu, không cưới được Liên bởi không có tiền. Sau này, Liên là vợ của chánh Thành. Sau cải cách, gia đình Liên kiệt quệ, con cái của Liên có thể bị chết đói. Từ Nguyên Tĩnh khai thác được *chất dân quê* nói riêng và bản năng tự nhiên của con người nói chung ở chỗ, vì con, Liên sẵn sàng cầu cạnh lão Cao, giờ đã là chủ của cả đàn vịt hàng ngàn con. Vì miếng ăn, chánh Thành hô mưa gọi gió ngày nào chấp nhận quỳ gối cầu xin lão Cao, còn lão Cao, vì hận thù đã hạ nhục và trả mối tình thù năm xưa với chánh Thành bằng tuyên bố “Tao ngủ với vợ mày xong thì mày phải ăn hết bãi cứt vịt. Tao cho một thùng trứng và tha tội chết cho” [3; tr.26]. Cách thể hiện sự thù hận này rất đặc trưng cho tính cách người dân quê: bộc trực, thẳng thắn và đôi khi thô vụng. Nhà văn một mặt sử dụng lối nói bộc trực, hồn nhiên, có phần ít học đậm chất “nông dân” tiềm ẩn, mặt khác, ông lại khai thác những dòng suy nghĩ bên trong của Cao rất trí tuệ, nhân văn: “Cao rùng mình ớn lạnh... Anh phải ngoảnh mặt đi không dám nhìn vào đáng quý như con chó... Cao nhìn thấy rất rõ thân thể ngọc ngà của người yêu. Có lẽ sự phơi bày ra làm anh sừng sốt và đau đớn... Tiềm thức mông muội của loài người mách bảo anh rằng - Anh có thể dùng quyền lực bắt thằng chồng” làm theo ý mình “nhưng thà như Liên không phải người yêu của anh. Và cuộc đời này, nó đã tước đoạt của ta, ta đoạt của nó lại như vậy ư?” [3; tr. 27]. Vượt qua thù hận, ích kỉ, Cao đã vị tha, biết nghĩ cho người khác, kể

cả đó là tình địch, kẻ đã cướp đi tình yêu, hạnh phúc của đời mình. Sau này, khi được hỏi lí do, lão Cao lí giải cho hành động của mình là vì “ông yêu bà ấy. Ông không muốn bà ấy bị sỉ nhục... Có thể vì ông ngủ với bà ấy mà thằng Thành nó giết bà ấy ngay trong đêm ấy. Nó sẽ bị tù tội... Con cái bơ vơ... và hận thù chồng chất lên nhau”. Cách lí giải chân chất, thật thà, giản dị nhưng chất chứa cả chiều sâu trải nghiệm của lão Cao cũng hết sức gần gũi, quen thuộc với nếp nghĩ, lối sống đẹp của con người miệt quê. Cách xử lí và giải quyết vấn đề của Từ Nguyên Tĩnh chứng tỏ nhà văn thực sự gắn bó, trải nghiệm và thông hiểu được con người dân quê, từ lời ăn, tiếng nói, lối sống đến nếp nghĩ suy. Và chất “dân quê” trong các sáng tác của ông, do đó, đã vượt qua mức độ phản chiếu thực tế đời sống để vươn đến tầm thấu cảm. Điều này không phải người cầm bút nào cũng làm được.

Trong mỗi nếp nghĩ suy, trần trụi của những người dân quê luôn có khát vọng hướng về tình yêu. Đó còn là cái nhìn ám áp tình người của nhà văn trong truyện ngắn *Thuyền nan*. Dẫu nhân vật Ngân, người yêu của Dĩnh, lái thuyền nan phục vụ binh đoàn vận tải trong chiến tranh trúng thủy lôi chết, để lại mẹ già và cô em gái mù lòa, tên Nga, với nỗi niềm canh cánh rồi đây không còn ai chăm sóc thì cuối cùng, vẫn có cái kết đẹp dành cho Nga. Sau này, anh giáo Dĩnh vẫn yêu thương và xây dựng hạnh phúc cùng cô. Hay là, Thương trong *Người vợ biển cả* cũng rất đáng khâm phục. Dẫu sau chiến tranh, Phú lấy vợ mới trong Nam để lại cô, người vợ côi cút nơi quê nhà, thì sau này, khi Phú chết, Thương vẫn vào Nam xin nắm đất bên ngoài khu mộ Phú để thờ phụng với lí do nhân hậu “đằng nào mình cũng yêu anh ấy” [3; tr.146]. Đó còn là bản tình ca về anh chàng Lung mù cao thượng trong *Mối tình chàng Lung mù*. Hạnh phúc với Lung chỉ giản đơn là được thấy người mình yêu hạnh phúc. Tiếng đàn da diết của Lung mù trên mỏm đá cũng hoang vắng như tiếng lòng anh, khi biết Toàn, cô gái mình yêu đang yêu hẹn hò với chàng trai khác. Sau này, cả Toàn và Nga, người yêu cô, hy sinh, Lung mù vẫn sẵn sàng nuôi con của họ bằng tiếng đàn của kẻ mù trên những chuyến tàu Bắc Nam khiến ai cũng cảm phục. Những bản tình ca còn tiếp nối trong nhiều truyện ngắn khác của nhà văn. Họ còn là Doanh trong *Hạnh phúc trần gian*, khát khao sống sau khi nhảy xuống biển tự vẫn không thành. Người đàn bà này chọn lựa cái chết vì chồng tệ bạc và ngược đãi. Cô được lão Giooc-Đanh cứu sống và trở thành vợ của lão. Thật oái oăm, lão Giooc-Đanh lại tiếp tục cứu vớt Doanh khi hắn ta nhảy xuống biển vì làm ăn thất bại. Trớ trêu thay, hắn phát hiện ra người phụ nữ hiện tại đem lại “hạnh phúc trần gian” cho cả cô ta và lão chính là Ngân, vợ cũ của hắn. Câu chuyện trở nên thú vị bởi cái cách nhà văn xử lí tình huống truyện đầy nhân văn. Người vợ sau đó cũng nhận ra Doanh và chọn lựa cuộc sống gắn bó với lão Giooc-Đanh. Còn lão vẫn cư xử chu đáo, nghĩa tình, tử tế với Doanh, vẫn chuẩn bị một giỏ quà là đặc sản biển để Doanh trở về. Câu chuyện khiến người đọc thấy ấm lòng và mang ý nghĩa tình thức, giáo dục thiết thực. Và tiếp tục chủ đề tình yêu, trong tập 2, nhà văn còn góp thêm những bản tình ca chạm đến trái tim độc giả và mang nét đặc trưng phong cách nghệ thuật của Từ Nguyên Tĩnh như *Khuôn mặt tình yêu*, *Lời thì thầm của tình yêu*, *Ra giếng em đi lấy chồng*... Nếu *Khuôn mặt tình yêu* như là lời triết luận về tình yêu, đem lại niềm tin yêu của con người vào khả năng “hữu duyên thiên lý” thì *Ra giếng em đi lấy chồng* là tiếng lòng khắc khoải đau đáu khôn nguôi của những thân phận phụ nữ ở nông thôn không vượt thoát khỏi những tập tục truyền thống ở vùng nông thôn Việt Nam xưa. Đúng như nhân vật tôi trong *Khuôn mặt tình yêu* tự bạch, “Tình yêu cũng có khuôn mặt riêng... Người này có thể nhận ra mà người khác

đi tìm không thấy” [4; tr. 147]. Điều đó “giúp cho những người lính chúng tôi thêm yêu thương cuộc sống hơn” [4; tr. 147]. Và ngay cả những câu chuyện tình yêu mang âm hưởng chua xót, bi kịch như số phận tình yêu của di Bân trong truyện *Ra giêng em đi lấy chồng*, cả cuộc đời luôn hy sinh, trách nhiệm với em gái, cháu gái, sau này nguyện chăm sóc con của cháu gái, chưa từng sống cho hạnh phúc của chính mình, khiến bất kì ai cũng xúc động và cảm thương. Câu chuyện mà Từ Nguyên Tĩnh kể, vẫn thấy quen thuộc, giữa thời đương đại này, vẫn có một di Bân như thế, vẫn mang lời hứa hẹn quen thuộc “ra giêng em đi lấy chồng”, dấu không biết bao giờ cho đến tháng giêng. Chính cảm thức này góp phần làm nên nét riêng trong đặc điểm truyện ngắn của nhà văn xứ Thanh.

Truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh như là những liều thuốc có khả năng “chữa lành” tâm hồn con người. Đọc truyện của ông, ta thấy đâu đó dư âm của những buồn thương, mất mát, bi kịch, bất hạnh của phận người này, kiếp người kia, song tuyệt nhiên ta không thấy tuyệt vọng, bi ai. Trái tim chúng ta như được tiếp thêm sức mạnh của hơi ấm, của tình người không bao giờ vơi cạn. Ta thêm trân quý cuộc sống này. Chỉ cần có tâm hồn, có sự đồng cảm, hẳn ai cũng sẽ lắng nghe được “tiếng thở dài của dòng sông” (cũng là tên một truyện ngắn của nhà văn), như cách mà tác giả mang thể giới phong phú của người dân quê đến với chúng ta, để chúng ta được lắng nghe và biết cách lắng nghe. Thông qua những câu chuyện về tình yêu, diện mạo truyện ngắn của Từ Nguyên Tĩnh hiện lên rõ nét và đầy đủ hơn.

3.3. Giọng tự sự trữ tình kết hợp với tính triết luận

Giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn được bộc lộ qua giọng văn, cách chọn lựa từ ngữ, ngôi kể, từ đó thể hiện thái độ, tình cảm và cách đánh giá thái độ của người kể chuyện đối với sự việc và con người được đề cập. Với Từ Nguyên Tĩnh, giọng điệu trần thuật trong truyện của ông có sự kết hợp đa dạng, trữ tình và triết luận. Giọng tự sự trữ tình kết hợp với tính triết luận làm nên dấu ấn truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh, đặc biệt ở mảng truyện viết về đề tài chiến tranh. Hình ảnh người lính phổ biến và hầu như có mặt xuyên suốt trong hai tập truyện như: *Tiếng thở dài của dòng sông*, *Người đàn bà sau chiến tranh*, *Chờ B52*, *Chuyện tình trong hang đá*, *Ngày bình thường của chiến tranh*, *Dấu vết chiến tranh*, *Bến đò xưa*, *Người vợ biển cả*, *Thuyền nan*, *Mối tình chàng Lung mù*, *Chuyện của đàn ông*, *Chuyện lạ trên núi mắt Rồng*, *Mùa xuân sẽ về*, *Chuyện không định kể*, *Vô danh*, *Bạn tù*, *Tính người*, *Chiếc quan tài cuối cùng*, *Một ...Hai ...Ba... Bốn*, *Di Tư*, *Anh An*, *một người lính...* Từ Nguyên Tĩnh đã từng là người lính, tham gia quân đội từ năm 1965 – 1975. Mười năm ấy là quãng thời gian người lính trải nghiệm, gắn bó với trận địa cầu Hàm Rồng và tuyến lửa xứ Thanh, giúp ông có đủ những hiểu biết, vốn sống và thấu cảm đến cuộc đời người lính trong chiến tranh. Họ phần nhiều là những người dân quê chăm chỉ, chân chất, lên đường ra đi theo tiếng gọi của Tổ quốc khi có chiến tranh. Họ cũng như bao người lính khác đã từng được phản ánh, ngợi ca trong văn chương: dũng cảm, can trường và cũng rất nhân văn, giản dị. Đặc biệt, ông quan tâm nhiều đến số phận những người lính với những nỗi khuất lấp, bi kịch trong đời tư của họ sau chiến tranh. Giọng điệu trữ tình xen lẫn tính triết luận cùng lối kể thâm trầm của nhà văn như làm dịu lại những câu chuyện đời. Điều này có sự gặp gỡ với quan điểm của nhà nghiên cứu Hữu Sơn, ông cho rằng “đặc điểm nổi bật trong sáng tác của Từ Nguyên Tĩnh là màu sắc tự thuật... Điều này tạo nên mối liên hệ, đồng cảm với độc giả và gia tăng tính chân thực, thuyết phục của tiếng nói người trong cuộc” [2].

Nhà văn Từ Nguyên Tĩnh đã khai thác góc khuất trong tâm tư và đời sống hậu chiến của người lính bằng giọng tự thuật giàu triết lí. Trong số rất nhiều truyện ngắn viết về chiến tranh, bạn đọc thực sự ấn tượng với câu chuyện về cuộc đời và số phận của người lính dân quê trong *Người đàn bà sau chiến tranh*. Truyện bắt đầu bằng lời tự thuật của nhân vật xưng “tôi”, vừa là lời giải bày những ẩn ức, vừa đúc kết triết lí nhân sinh, vừa chứa đựng những mâu thuẫn rất đời. Nhân vật “tôi” day dứt vì bản thân đã vô tình đẩy hai người đàn ông mà mình yêu thương vướng vào vòng xoáy bi kịch, rối rắm, phức tạp. Dũng và Phúc vốn là đồng đội thân thiết, cả hai cùng đem lòng yêu Vịnh, nhân vật xưng “tôi” trong truyện. Trong một lần máy bay Mỹ đi ăn đêm bất ngờ ném bom, Dũng lấy thân mình che chở cho đồng đội, bị thương nặng và được đưa vào tuyến sau. Và biết bao tin đồn anh đã chết vì vết thương nặng. Vịnh và Phúc tưởng Dũng đã chết vì từ đấy bật tin Dũng. “Tôi” và Phúc nên vợ nên chồng. Bi kịch ở chỗ, cả hai lấy nhau 10 năm nhưng không có con, do Phúc không có khả năng làm cha. “Những năm tháng ở ra đa sóng điện từ cao áp đã hủy diệt sự tái sinh nơi anh”. Khát khao được làm mẹ, làm cha, Phúc đề nghị Vịnh đi kiếm một đứa con, chỉ cần không được để anh biết cha đứa trẻ là ai. Đúng khi ấy, Dũng đột ngột xuất hiện, vẫn chờ đợi Vịnh suốt 20 năm trời và kiếm tìm cô trong vô vọng. Gặp lại nhau trong hoàn cảnh trở trêu ấy, Vịnh đã đề cập đến mong muốn làm mẹ của mình. Phúc ngỡ vực Dũng và Vịnh đã nối lại tình xưa. Nhà văn đã khai thác góc khuất trong tâm tư và đời sống hậu chiến của người lính. Họ đã từng lặn xả, quên mình vì nước, nhưng giờ đây, vì một người phụ nữ, họ dằn vặt, nhục mạ nhau:

“- Thế ai là kẻ có tội? Nay, tao nói cho mày biết, mày nên đâm đầu xuống sông Mã mà chết đi. Huân chương, công tích làm gì, lao đầu mà chết đi, hèn?”

- Hừm! Thăng đáng chết là mày. Tao đã lấy thân che chở cho mày, mày còn cuỗm người yêu của tao.

... - Mày đâm đầu xuống cầu Hàm Rồng mà chết đi!

- Đúng! Tao sẽ nhảy xuống cầu Hàm Rồng chết vì không lấy được Vịnh. Nhưng mày cũng nhảy xuống mà chết vì không sinh cho em được đứa con nào...”. [3; tr. 163].

Lời đối đáp đầy hận thù của hai người lính – nông dân bộc trực, thẳng thắn, kiêu ngạo cho bề ngoài, không nghĩ suy sâu xa, không biết kiềm chế trong cơn nóng giận. Khác hẳn nhân vật “tôi”, lời ăn tiếng nói chứa đựng sự suy tư, trăn trở, phù hợp với một cô giáo có chữ nghĩa, học thức. Chứng kiến hai người lính từng sẵn sàng hy sinh thân mình, bảo vệ mạng sống cho người kia, giờ đây “như hai con gà mổ vào mặt nhau” và nốc rượu say mềm, bắt tay nhau thề thốt, đêm đến sẽ nhảy xuống sông tự tử. Vịnh bị cả hai trói lại. Nhưng may mắn thay, cả hai quá say nên mỗi dây buộc trói cô bị nói lỏng, cô thoát ra và lao đến cầu. Cô chạy đến chỗ hai người, tát mạnh vào mặt họ cùng tuyên bố: “Các anh đừng chết ngu xuẩn nữa. Hãy để em nhảy xuống sông. Sống mà làm gì khi những người mình từng yêu thương lại thù địch nhau?” [3; tr. 165]. Hành động và lời nói của cô đã khiến cả hai người lính tỉnh ngộ. Họ quỳ xuống van xin và “lầm lũi theo tôi trở về trận địa, nơi máu họ đã nhuộm màu của đất”. Lời nói kiên quyết của cô như là tuyên ngôn, phương châm sống cho con người có ý nghĩa nhân văn, giáo dục, bất luận trong hoàn cảnh nào.

Giọng tự sự trữ tình còn được thể hiện qua cách nhà văn mô tả, khai thác những biến chuyển trong suy nghĩ của nhân vật. Nỗi đau khó gọi tên của bi kịch người lính như Phúc được “kể” bằng giọng rất đời, chân chất, quen thuộc và cũng đầy thấu cảm. Phúc thoát đầu khi chưa biết mình là nguyên nhân của việc vợ chồng họ không có con đã rất “mạnh miệng”

động viên vợ rằng: “Em đi tìm đứa con đi... Anh thương nó như con ruột... Miễn em đừng cho anh biết bố đứa trẻ là ai...” [3; tr. 161]. Khát khao có con những tưởng sẽ vượt qua và khóa lấp được lòng ích kỉ. Ấy thế mà khi thấy Dũng, đồng đội năm xưa và cũng là người yêu cũ của vợ xuất hiện. Anh lo sợ, hờn ghen, nghi ngờ Dũng sẽ đem lại cho vợ mình đứa con. Anh đã không thể chấp nhận được sự thật đó. Anh quên cả việc Dũng từng xả thân cứu mình khỏi chết trong chiến tranh. Giờ đây trong anh chỉ có hận thù. Anh có thể mắng nhiếc Dũng những câu rất đau lòng: “Mày đem quãng mẹ huân chương của mày xuống cầu Hàm Rồng, rồi nhảy xuống mà chết luôn đi” [3; tr. 163]. Tượng đài người lính dường như sụp đổ. Quả thật, tác giả đã dừng cảm khi khai thác mặt trái của những hào quang người lính hậu chiến. Điều này chứng tỏ, ông có cái nhìn thấu cảm và đầy hiểu biết về thân phận con người nói chung và người lính nói riêng. Và cái khéo léo trong cách kể chuyện của nhà văn – người lính Từ Nguyên Tĩnh là ở chỗ, toàn bộ câu chuyện được kể từ điểm nhìn trần thuật xưng “tôi”, vợ của Phúc, vừa với tư cách người vợ lính, vừa với tư cách một người yêu gặp lại người yêu cũ, và đặc biệt là tư cách của một người mẹ khát khao bóng cháy có được đứa con. Ông tái hiện những day dứt, dằn vặt, đau khổ trong nội tâm của nhân vật “tôi” với những giằng xé tâm lí phức tạp, tinh vi rất đời, rất người và cũng rất nhân văn. Từ điểm nhìn này cùng với giọng điệu tự thuật, từ góc nhìn lí thuyết giới, người đọc càng cảm thương hơn cho nhân vật Vịnh khi chị tự thuật:

“Tôi” - người con gái yêu đắm say hai người lính trong *Người đàn bà sau chiến tranh*. “Cuộc đời này, có nhiều người được yêu một người say đắm và trọn vẹn. Đó là điểm phúc của đời họ. Còn tôi thì không, tôi đã yêu cả hai chàng trai cùng một lúc. Và tôi nhận được sự bất hạnh như hôm nay” ... “Chỉ tại tôi, tôi đã yêu cả hai chàng trai... Tôi đã làm cho cuộc chiến tranh trong đời họ sau mười năm rồi không tắt được. Sẽ còn bao lâu nữa trong trái tim họ mới nguôi ngoai nỗi đau” [3; tr. 158].

Câu chuyện không dừng lại ở đó. Khép lại câu chuyện là một kết thúc bỏ ngỏ quen thuộc của văn chương đương đại mang giọng điệu tự thuật: “Tôi đã cứu được hai mạng người. Nhưng ngày mai, bao sự dằn vặt tới. Chỉ nghĩ đến phải có một đứa con với Dũng làm trái tim tôi bồi hồi thổn thức. Nhưng nghĩ đến phải chia tay với Phúc tôi thấy xót xa...” [3; tr. 165]. Nhà văn trao quyền cho bạn đọc viết tiếp câu chuyện éo le này. Giọng tự sự trữ tình kết hợp với tính triết luận khiến lời tự thuật của nhân vật xưng “tôi”, vợ của Phúc, vừa với tư cách người vợ lính, vừa với tư cách một người yêu gặp lại người yêu cũ, trong truyện ngắn khiến ta day dứt, ám ảnh và trăn trở về bi kịch con người sau chiến tranh. Dường như, đằng sau câu chuyện đời éo le này, nhà văn đặt vấn đề: liệu sau hào quang chiến trận, những người lính có tiếp tục tỏa ánh hào quang? Vấn đề phận người được khơi gợi, khiến bất kì ai cũng tự đặt cho mình một câu hỏi về lương tri và sự tỉnh thức, về lẽ sống và cách chọn lựa lối sống trong những hoàn cảnh mới, đâu không cam go, khốc liệt bằng hòn tên, mũi đạn nhưng sức công phá của nó, đôi khi lại kinh khủng hơn gấp trăm nghìn lần. Và sức ám ảnh ấy cứ thôi thúc ta tiếp tục lật giở những trang truyện đời, truyện người với sức cuốn hút khó gọi tên.

Giọng tự sự trữ tình kết hợp với tính triết luận trong các trang văn của Từ Nguyên Tĩnh hiện diện mang tính phủ khắp, bất luận là mở đầu hay kết truyện. Mở đầu truyện ngắn *Chuyện lạ trên núi mất Rồng* là những dòng trữ tình triết luận như thế: “Về đêm, khi loài người chìm đắm vào giấc ngủ. Lúc chỉ còn hơi thở và con tim đập nhịp trò chuyện với dải thiên hà. Không ai tưởng tượng ra núi Mất Rồng cựa mình thức dậy. Mất Rồng sáng lên.

Khí lực lấy từ lòng đất... Ai mà thấy núi Mất Ròng sáng, người ấy sẽ gặp hạnh phúc. Nhưng không mấy ai và dễ gì thấy núi Mất Ròng sáng đâu...” [3; tr. 23]. Giọng điệu trữ tình như đưa người đọc đến với không khí của miền truyền thuyết, sử thi xa xưa nào đấy được đúc kết, vừa huyền bí vừa thiêng liêng, vừa khơi gợi sự tò mò của bạn đọc. Từ đấy, nhà văn dẫn dụ tới chuyện đời của nhân vật Hiền, người đàn bà góa. Hay đoạn kết truyện *Tiếng thở dài của dòng sông* cũng như đưa ta về với miền kí ức xa xưa nào đấy: “Tôi vẫn ra sông tắm sau buổi chày. Vẫn lặn hụp cố tình lắng nghe dòng sông trò chuyện. Tôi không làm sao hiểu được điều ấy. Tôi đâu có trái tim như anh mình, như chị Tâm... Vận mạng không nói với tôi điều ấy... Dòng sông không thở than cùng tôi... Nhưng tôi tin một điều, ở đâu đó có sự bắt từ của linh hồn anh tôi và chị Tâm... Như tiếng thở dài của dòng sông” [3; tr. 91]. Những áng văn trữ tình ấy như lời thủ thi tâm tình, như tiếng lòng đồng vọng về câu chuyện tình đẹp trong chiến tranh gọi vùng kí ức cho thế hệ mai sau. Hoặc những trăn trở, day dứt về phận nghèo, về những mất mát, hy sinh của người lính trong truyện *Anh An, một người lính* khơi mở cả trách nhiệm của người cầm bút: “Tôi thật, con cái bác ấy cũng nghèo. Đi kiếm ăn ở cùng trời. Một nhóm trong cái gia đình thất cơ lỡ vận, không sao mà ngóc đầu dậy. Yêu quý nông dân đi chẳng nữa, nhưng làm sao thay đổi được. Bạn của Bùi, bảo nó, anh em nhà mày là lính, là người cầm bút. Sao không viết về anh mình. Bùi trả lời, có bao người như thế trên thế gian này rồi sẽ chìm đi trong quên lãng mà thôi” [4; tr. 62].

Có thể thấy, những trang văn xuôi đậm chất trữ tình triết luận của nhà văn – người lính Từ Nguyên Tĩnh mở ra vô số những cảnh đời, phận người, góc nhìn phong phú về đời sống nhân sinh. Và độc giả, sau những ngậm ngùi, đồng cảm, xót xa cũng ý thức hơn về trách nhiệm của sự thấu hiểu, sẻ chia để lan tỏa tình yêu thương từ những điều hết sức bình dị, đời thường.

4. KẾT LUẬN

Truyện ngắn của Từ Nguyên Tĩnh đem lại nhiều cảm giác bất ngờ và hào hứng cho độc giả, không chỉ về số lượng và dung lượng dày dặn hàng ngàn trang sách mà ở những khám phá và cảm giác vỡ òa trước những chất liệu bình dị, quen thuộc cả trong chiến tranh, bom đạn cũng như thời bình. Sức hấp dẫn của các tập truyện không chỉ là sự hiểu biết phong phú mang hiện thực đời sống người dân quê, và cả người phố thị mà còn ở cách ông đưa ra những cách xử lí các tình huống của cuộc đời đầy nhân văn, ấm tình người, qua giọng điệu vừa như kể chuyện tâm tình, vừa xen lẫn chút giọng triết lí thâm trầm, tự nhiên, gần gũi. Tất cả đã góp phần làm nên dấu ấn, diện mạo truyện ngắn Từ Nguyên Tĩnh. Đọc rồi suy ngẫm, đọc rồi so sánh, đọc để trải nghiệm và học hỏi, sau rốt, bất kỳ bạn đọc nào, có lẽ, cũng có suy nghĩ như tôi: Chẳng ngẫu nhiên chút nào khi nhà văn Từ Nguyên Tĩnh đạt được nhiều giải thưởng như thế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Khắc Phê (2023), “Thế giới nghệ thuật phong phú của Từ Nguyên Tĩnh” (Nhân đọc *Tuyển tập Từ Nguyên Tĩnh*, Nxb Hội nhà văn - 2017), Thời báo Văn học Nghệ thuật. (nguồn <http://artimes.vn>. Ngày truy cập 17/10/2025).
- [2] Nguyễn Hữu Sơn (2017), *Về nhà văn Từ Nguyên Tĩnh*, Tạp chí Xứ Thanh (nguồn <https://tapchixuthanh.vn/NewsDetail.aspx?Id=430>. Ngày truy cập 9/8/2025).

- [3] Từ Nguyên Tĩnh (2017), *Tuyển tập Từ Nguyên Tĩnh* (Tập 1, truyện ngắn), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [4] Từ Nguyên Tĩnh (2017), *Tuyển tập Từ Nguyên Tĩnh* (Tập 2, truyện ngắn), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

SOME CHARACTERISTICS OF SHORT STORIES BY TU NGUYEN TINH

Nguyen Thi Hanh

ABSTRACT

This article studies the characteristics of short stories by Tu Nguyen Tinh, a writer from Thanh Hoa province, a member of the Vietnam Writers Association, and a recipient of numerous literary and artistic awards in various genres. His choice of realistic material (the lives of rural people), combined with a calm, emotional, and sincere writing style, along with philosophical reflections, and above all, his ability to resolve sadness, tragedies, and ironies of human fate with a kind and warm heart, creates a unique mark on his short stories. Reading Tu Nguyen Tinh's stories, readers feel that the pages of life always sparkle with faith and have the power to "heal", bringing peace to the heart and filling us with hope for life.

Keywords: Tu Nguyen Tinh, short stories, lyrical narrative tone, philosophical reflections, country folk characteristics, selfless love.

* Ngày nộp bài: 13/01/2026; Ngày gửi phản biện: 20/01/2026; Ngày duyệt đăng: 20/05/2026